

Số: 135/QĐ-MNVNG

Mường Phăng, ngày 19 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục; kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục trong trường Mầm non Võ Nguyên Giáp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON VÕ NGUYÊN GIÁP

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019; Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng trường mầm non được quy định tại Điều 10, Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Kế hoạch số 131/KH-MNVNG ngày 12/9/2025 của Trường Mầm non Võ Nguyên Giáp về Kế hoạch phát triển nhà trường và kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2025-2026;

Thực hiện Kế hoạch số 133/KH- TrMNVNG ngày 15/9/2025 của Trường Mầm non Võ Nguyên Giáp về Kế hoạch thực hiện công khai trong hoạt động của Trường Võ Nguyên Giáp năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 134/QĐ- TrMNVNG ngày 19/9/2025 của Trường Mầm non Võ Nguyên Giáp về việc ban hành quy chế thực hiện công khai trong hoạt động của Trường Mầm non Võ Nguyên Giáp, năm học 2025 – 2026;

Theo đề nghị của Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Võ Nguyên Giáp .

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục; kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục trong Trường Mầm non Võ Nguyên Giáp năm học 2025-2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Võ Nguyên Giáp và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Web trường MNVNG;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lý Kim Phụng

CÔNG KHAI

Về việc công bố công khai điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục; kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục trong trường Mầm non Võ Nguyên Giáp
(Kèm theo QĐ số 135/QĐ-MNVNG ngày 19/9/2025 của trường
Mầm non Võ Nguyên Giáp)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Mầm non Võ Nguyên Giáp.

2. Địa chỉ trụ sở

Địa chỉ: Bản Bua, xã Mường Phăng, tỉnh Điện Biên.

Điện thoại: 0972711185

Email: mnvonguyengiap@gmail.com

Website: <https://mnvonguyengiap.pgdtptdienbienphu.edu.vn/admin>

3. Loại hình cơ sở giáo dục

Trường Mầm non công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

4.1. Sứ mạng:

Hướng đến xây dựng một môi trường học tập cho trẻ đạt được những yêu cầu tốt nhất trong chăm sóc giáo dục và chăm sóc nuôi dưỡng trẻ, giúp trẻ phát triển hoàn thiện về thể chất, tinh thần cũng như những kỹ năng sống của trẻ ngay từ nhỏ. Khuyến khích trẻ không ngừng phát triển các mối quan hệ tự nhiên và xã hội xung quanh mình, từ đó kích thích sự tò mò ham thích khám phá, mong muốn tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ, điều này sẽ giúp các bé tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, có khả năng tư duy sáng tạo, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện về cả thể lực, trí lực, đạo đức và tâm hồn, là cơ sở nền tảng cho bậc giáo dục tiếp theo.

4.2. Tầm nhìn:

Là xây dựng “trường Mầm non hạnh phúc” Phát triển theo phương châm “*Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm*” hướng tới sự phát triển toàn diện, giúp trẻ rèn luyện phẩm chất năng lực cần thiết để tự nhận thức, tăng cường khả năng thích nghi với sự biến đổi của môi trường và bối cảnh của địa phương thời kỳ đổi mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

4.3. Mục tiêu:

* Mục tiêu chung:

Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát

triển tới đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

* Mục tiêu riêng:

Trẻ biết về ngày tết của người dân tộc Thái, ý nghĩa của trang phục, dụng cụ âm nhạc của dân tộc Thái ở điểm Trung tâm, điểm Bản Phăng

Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.

5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường Mầm non Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng thành lập theo Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 10/06/2003 và đi vào hoạt động từ ngày 10 tháng 6 năm 2003. Ngày 01 tháng 02 năm 2014 trường được đổi tên thành trường mầm non Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng.

Trường có 01 điểm chính nằm trên địa bàn Bản Bua, xã Mường Phăng, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 03 điểm trường tại bản Phăng, bản Co Mạn, bản Che Cẩn. Trên 20 năm thành lập và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 862/QĐ-UBND công nhận trường mầm non Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Tập thể nhà trường đã đạt tập thể lao động xuất sắc và được UBND tỉnh tặng bằng khen (từ năm học 2020-2021 và năm học 2022-2023). Năm học 2023-2024 nhà trường được sở GD&ĐT thành phố tặng giấy khen theo Quyết định số 1006/QĐ – GDĐT ngày 07/8/2024).

Trong 5 năm chi bộ được Đảng uỷ xã Mường Phăng đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tập thể Công đoàn, Chi đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ nhiều năm liền.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt, tay nghề vững vàng, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Qua những thành tích đạt được trường Mầm non Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng luôn phấn đấu giữ vững danh hiệu và hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục đề ra cho những năm sau.

6. Thông tin đại diện pháp luật

Họ và tên: Lý Kim Phượng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Võ Nguyên Giáp, Bản Bua, xã Mường Phăng, tỉnh Điện Biên.

Điện thoại: 09727111851

Email: lykimphuongmnnt@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập trường

Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 10/06/2003 và đi vào hoạt động từ ngày 10 tháng 6 năm 2003. Ngày 01 tháng 02 năm 2014 trường được đổi tên thành trường mầm non Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng. Năm 2025 trường được đổi tên thành trường Mầm non Võ Nguyên Giáp theo Quyết định số 147/UBND ngày 28/8/2025 của UBND xã Mường Phăng

7.2 Quyết định công nhận hội đồng trường

Quyết định số: 134/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân thành phố Điện Biên Phủ Quyết định về việc thành lập Hội đồng trường Mầm non Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng thành phố Điện Biên Phủ, nhiệm kỳ 2022- 2027; Quyết định số: 317/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân thành phố Điện Biên Phủ Quyết định về việc công nhận chức danh Chủ tịch Hội đồng trường các trường Mầm non Võ Nguyên Giáp thành phố Điện Biên Phủ, nhiệm kỳ 2022-2027

Danh sách thành viên hội đồng trường

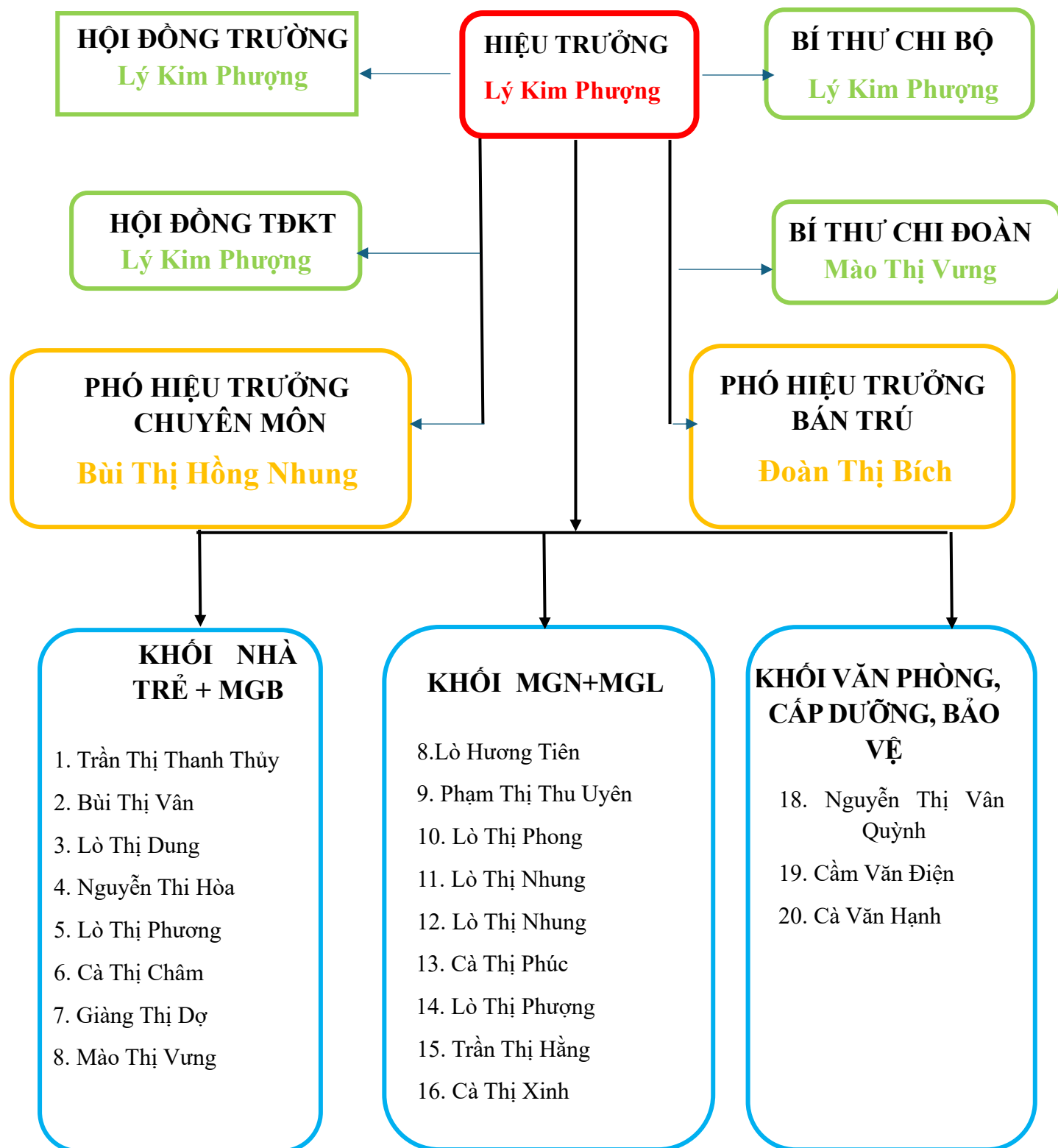
STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
01	Bà: Lý Kim Phượng	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch
02	Bà: Lò Văn Tiến	Hội trưởng ban đại diện cha mẹ trẻ	Thành viên
03	Bà: Bùi Thị Hồng Nhung	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
04	Bà: Đoàn Thị Bích	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
05	Bà: Trần Thị Thanh Thuỷ	Tổ trưởng tổ chuyên môn	Thành viên
06	Lò Hương Tiên	Tổ trưởng tổ chuyên môn	Thành viên
07	Bà: Mào Thị Vung	Bí thư chi đoàn	Thành viên

7.3 Quyết định bổ nhiệm, điều động Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng Quyết định số 2657/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân thành phố Điện Biên Phủ về bổ nhiệm Hiệu trưởng Lý Kim Phượng.

Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân thành phố Điện Biên Phủ về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý trường Mầm non số Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng: PHT Đoàn Thị Bích.

Quyết định số : 1063/QĐ – UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của uỷ ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý trường Mầm non Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng: PHT Bùi Thị Hồng Nhung

Sơ đồ bộ máy trường



II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên trường là: 23 người

- Trong đó: Ban giám hiệu: 03 người; Giáo viên 17 người; Nhân viên 02 người; Người lao động 01 người.

- Trình độ đào tạo chuyên môn của cán bộ, giáo viên, nhân viên trường là:

+ Đại học: 21 người

+ Cao Đẳng: 0 người

- + Trung cấp: 01 người
 - + Khác: 01 người
 - Xếp loại theo chuẩn theo chức danh nghề nghiệp như sau:
 - + Giáo viên mầm non Hạng II: 01
 - + Giáo viên mầm non Hạng III: 20
 - + Giáo viên mầm non Hạng IV: 0
- 1.1. Thông tin về đội ngũ quản lý và nhân viên
- * Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên**

STT	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC
I	Giáo viên	17			17			
1	Nhà trẻ	4			4			
2	Mẫu giáo	13			13			
II	Cán bộ quản lý	3			3			
1	Hiệu trưởng	1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2			
III	Nhân viên	3			1		1	1
1	Nhân viên văn thư							
2	Nhân viên kế toán	1			1			
3	Thủ quỹ							
4	Nhân viên y tế						1	
5	Nhân viên cấp dưỡng							
6	NV phục vụ							
7	Bảo vệ	1						1
8	Bảo mẫu							

*** Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp**

STT	Nội dung	Số lượng	Kết quả xếp loại chuẩn Nghề Nghiệp			
			Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt

I	Cán bộ quản lý	3	3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	0
II	Giáo viên	17	17			
1	Nhà trẻ	4	3	1	0	0
2	Mẫu giáo	13	9	4	0	0
Tổng cộng		20	15	5	0	0
Tỉ lệ %		100	75	35	0	0

*** Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.**

STT	Nội dung	Số lượng	Kết quả hoàn thành BDTX	
			Hoàn thành	Không hoàn thành
I	Cán bộ quản lý	3	3	0
1	Hiệu trưởng	1	1	0
2	Phó hiệu trưởng	2	2	0
II	Giáo viên	17	17	0
1	Nhà trẻ	4	4	0
2	Mẫu giáo	13	13	0
Tổng cộng		20	20	0
Tỉ lệ %		100	100	0

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.

- Tổng số điểm trường: 01 Điểm chính tại địa chỉ Bản Bua xã Mường Phăng, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; 03 điểm trường lẻ (Bản Phăng, Bản Co Mạn, Bản Che Cẩn)

- Tổng diện tích đất là 3651,8 m².

* Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích bình quân tối thiểu cho 1 trẻ em; đối sánh với diện tích yêu cầu tối thiểu.

STT	Nội dung	Diện tích
I	Tổng diện tích khu đất xây dựng	là 3564,8 m ²
	Diện tích xây dựng các công trình	1642m ²
	Diện tích sân chơi	1560m ²
1	Điểm trường trung tâm	1.750,4m ²
2	Điểm trường Bản Phăng	570,6 m ²
3	Điểm trường Co Mạn	330,2 m ²
4	Điểm trường Bản Che Cẩn	538,8 m ²
II	Diện tích bình quân cho mỗi trẻ	24,4m ² /trẻ

- Tổng số phòng: 26 phòng. Trong đó có:

+Số phòng học đảm bảo 01 phòng/lớp theo quy định.

Trường có sân chơi và đồ chơi ngoài trời đảm bảo cho công tác giảng dạy, vui chơi học tập của học sinh.

STT	Nội dung	Số lượng	Yêu cầu theo quy định
1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ	9	9
	Phòng học (nuôi dạy, chăm sóc trẻ)	9	9
	Phòng vệ sinh	5	5
	Phòng ngủ	0	0
	Phòng khác	0	0
2	Khối phòng phục vụ học tập	1	1
	Thư viện	0	0
	Phòng thể chất	0	0
	Phòng đa chức năng (nghệ thuật)	01	01
	Phòng khác	0	0
3	Khối phòng tổ chức ăn	2	2
	Nhà bếp	1	1
	Nhà kho	1	02
	Phòng khác	0	
4	Khối phòng hành chính, quản trị		
	Phòng hiệu trưởng	01	01
	Phòng phó hiệu trưởng	02	02
	Văn phòng trường	0	0

	Phòng họp	01	01
	Phòng hành chính quản trị	01	01
	Phòng bảo vệ	01	01
	Phòng y tế	01	01
	Phòng truyền thống		
	Phòng nhân viên	01	01
	Phòng khác		
5	Khối công trình công cộng		
	Nhà xe giáo viên	01	01
	Phòng khác	0	
6	Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có	9	9
7	Số lượng đồ chơi ngoài trời	20	20
8	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác	9	9
	- Ti vi	9	9
	- Nhạc cụ	0	0
	- Máy Photo	0	0
	- Catsset	0	0
	- Đầu Video/đầu đĩa	0	0
	- Máy vi tính văn phòng	5	5

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

* Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Kết quả tự đánh giá

Trường Mầm non Võ Nguyên Giáp xã Mường Phăng tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

* Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng

năm.

Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng năm 2025-2026

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2025 – 2026

Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo

Nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo lộ trình 5 năm từ năm học 2025-2026 đến hết năm học 2028-2029

V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON.

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở GDMN

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan. Cụ thể:

*** Đối tượng tuyển sinh:**

- Trẻ từ 03 tháng tuổi đến 72 tháng tuổi đang sinh sống cùng cha, mẹ hoặc cùng người giám hộ hợp pháp tại xã Mường Phăng và các phường, xã khác do tính chất công việc của cha mẹ, đặc biệt ưu tiên trẻ ở các bản Phăng, Che Cẩn, Co Mạn, Khá, Bua, Khẩu Cẩn, Tân Bình xã Mường Phăng do nhà trường phụ trách.
- Lớp nhà trẻ: Tuyển các bé sinh năm 2023, 2024 và đến tháng 5/2025.
- Lớp mẫu giáo: Tuyển các cháu sinh năm 2020, 2021, 2022.

*** Chỉ tiêu tuyển sinh mới:**

Nhà trường được giao: 154 học sinh với 9 nhóm, lớp.

Trong đó:

- Nhà trẻ: 02 nhóm, lớp, mẫu giáo: 07lớp - Nhà trẻ: 42 học sinh.
- Mẫu giáo: 112 học sinh.
- Mẫu giáo 5 tuổi: 551 học sinh.

*** Phương thức và thời gian tuyển sinh:**

- Phương thức: Tuyển sinh trực tiếp.
- Thời gian tuyển sinh: Từ ngày 20/7/2025 đến hết ngày 30/8/2025.
- Nếu trong trường hợp chưa tuyển đủ chỉ tiêu trong thời gian trên, nhà trường tiếp tục tuyển sinh trong năm học.

***Địa điểm tuyển sinh:**

Văn phòng Trường Mầm non Võ Nguyên Giáp

***Hồ sơ tuyển sinh:**

- Đơn xin học (theo mẫu của nhà trường).

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ (có bản chính kèm theo để đối chiếu).
- 01 quyển sổ theo dõi sức khỏe trẻ (BGD ban hành).
- Bản photo thẻ BHYT.
- Bản photo phiếu tiêm chủng.
- Giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo có chứng thực (nếu có); giấy chứng nhận trẻ khuyết tật (nếu có); trẻ thuộc các vùng được Nhà nước quyết định công nhận được miễn, giảm hỗ trợ chính sách theo quy định (nếu có).
- 01 túi hồ sơ để đựng giấy tờ.

*** Tiếp nhận hồ sơ:**

- Từ ngày 20/7/2025 đến ngày 31/8/2025 (không làm việc ngày thứ 7, chủ nhật).
- Buổi sáng: Từ 07h00 đến 11h30. - Buổi chiều: Từ 13h30 đến 17h00.

- b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.
- c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội.
- d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em.
- e) Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có).

Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước và năm đang thực hiện.

STT	Nội dung	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2025 – 2025
1	Tổng số lớp	9	9
2	Tổng số trẻ	171	158
3	Số trẻ bình quân/nhóm (lớp)	19	17,5
4	Số trẻ học 2 buổi/ngày	171	158
5	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú	171	158
6	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	171	158
7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi	49	55
8	Số trẻ khuyết tật	0	0

* Chất lượng giáo dục cuối năm học: 2024-2025

- Tổng số trẻ mẫu giáo được đánh giá cuối độ tuổi 146/146, trẻ đạt các mục tiêu: 146/146 đạt 100%. Cụ thể:

- Trẻ nhà trẻ được đánh giá tròn tháng và cuối độ tuổi: 40/40 trẻ, số trẻ đạt mục tiêu cuối độ tuổi là 40/40 trẻ đạt 100%.

Trẻ 24-36 tháng: 25 mục tiêu, số trẻ đạt: 40/40 trẻ đạt 100%

- Tổng số học sinh được đánh giá chất lượng cuối độ tuổi 171/171 đạt 100%.

- Trong đó: 171/171 trẻ đạt mục tiêu cuối độ tuổi.

- Kết quả giáo dục lớp mẫu giáo 5 tuổi huy động được 50/50 số trẻ trong độ tuổi trên địa bàn và luôn đạt yêu cầu theo các mục tiêu đánh giá.

* Chất lượng chăm sóc:

- 100% trẻ đảm bảo an toàn cả về thể chất lẫn tinh thần.

- 100% số trẻ được theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng.

+ Cân nặng BT: 167/171 đạt 97,7%; Suy DD thể NC: 4/171 chiếm 2,3%.

+ Chiều cao BT: 166/171 đạt 97,1%; Suy DD thể TC: 5/171 chiếm 2,9%.

+ Cân nặng chiều dài/chiều cao: BT: 171/171 đạt 100%. Suy dinh dưỡng thể gầy còm: 0 Thừa cân: 0.

* Năm học 2025-2026

- Số lớp hiện có: 9/9 lớp. Số học sinh: 158 trẻ.

+ Trẻ mẫu giáo: 115 trẻ; số trẻ nhà trẻ: 43 trẻ.

* Kết quả chất lượng giáo dục:

- Đánh giá chất lượng chủ đề "Nghề nghiệp".

Trẻ 3-4T: đánh giá tổng số 36 mục tiêu, số trẻ đạt: 32/32 đạt 100%.

Trẻ 4-5T: đánh giá 34 mục tiêu, số trẻ đạt: 29/29 trẻ đạt 100%.

Trẻ 5-6T: đánh giá 44 mục tiêu, số trẻ đạt: 54/54 trẻ đạt 100%.

Trẻ 24-36 tháng: 21 mục tiêu, số trẻ đạt: 40/43 trẻ đạt 95%

- Trẻ nhà trẻ được đánh giá tròn 24 tháng: 6/6 trẻ đạt 100%.

* Chất lượng chăm sóc:

- 100% số trẻ được theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng.

+ Cân nặng bình thường: 150/158 đạt 95%; Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 8/150 chiếm 5%.

+ Chiều cao bình thường: 150/158 đạt 93,6%; Suy dinh dưỡng thể thấp còi: 8/158 chiếm 6,4%.

+ Cân nặng chiều dài/chiều cao: BT: 109/109 đạt 100%. Suy dinh dưỡng thể gầy còm: 0/158 chiếm 0%, Thừa cân: 0/158 chiếm 0%.

VI. THU CHI TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Năm báo cáo (Năm 2025)	Năm liền kề trước năm báo cáo (Năm 2024)
I	Tổng số thu	5.862.758.118	5.150.503.908
1	Nguồn ngân sách cấp	5.705.067.000	4.950.435.000
1.1	Nguồn chi thường xuyên	4.522.557.000	3.602.072.000
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	986.400.000	1.247.363.000
	Trong đó: - Mua sắm trang thiết bị dạy và học	858.500.000	1.217.713.000
	- Hỗ trợ chi phí học tập	10.000.000	12.150.000
	- Hỗ trợ ăn trưa 3-5 tuổi	25.000.000	8.960.000
	- Cấp bù học phí	40.000.000	8.540.000
	Chính sách học sinh bán trú theo ND 66/2025	9.000.000	
	Mua sắm tài sản tập trung	19.900.000	
	Mua sắm phần mềm	24.000.000	
2	Tiền thưởng	196.110.000	101.000.000
	Tiền thưởng theo ND 73/Đ-CP	196.110.000	101.000.000
3	Nguồn thu khác	157.691.118	200.068.908
	Học phí, cấp bù học phí năm trước chuyển sang	22.564.118	39.682.798
	Thu học phí	23.887.000	53.958.000
	Huy động, tài trợ trước chuyển sang	54.010.000	47.428.110
	Huy động, tài trợ năm học 2024-2025		59.000.000
	Huy động, tài trợ năm học 2025-2026	57.230.000	
II	Tổng số chi	5.724.402.606	5.073.819.990

1.1	<i>Nguồn chi thường xuyên</i>	4.522.557.000	3.599.672.000
	Tiền lương và các khoản theo lương	4.110.401.725	3.149.033.460
	Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	58.072.250	39.339.266
	Chi hoạt động giáo dục	354.083.025	411.299.274
1.2	<i>Nguồn chi không thường xuyên</i>	927.999.346	1.241.113.000
	Trong đó: - Mua sắm trang thiết bị dạy và học	840.201.846	1.215.813.000
	- Hỗ trợ chi phí học tập	2.250.000	7.800.000
	- Hỗ trợ ăn trưa 3-5 tuổi	3.680.000	8.960.000
	- Cấp bù học phí	34.727.500	8.540.000
	Chính sách học sinh bán trú theo ND 66/2025	3.240.000	
	Mua sắm tài sản tập trung	19.900.000	
	Mua sắm phần mềm	24.000.000	
1.3	<i>Tiền thưởng theo ND 73/Đ-CP</i>	196.110.000	101.000.000
1.4	<i>Nguồn chi khác</i>	77.736.260	132.034.990
	Học phí, cấp bù học phí	23.726.260	79.616.880
	Huy động, vận động tài trợ	54.010.000	52.418.110

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC

1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non.

Ban giáo hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên

2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

Công tác xã hội hóa tại nhà trường đạt được kết quả khả quan vượt trội so với kết quả dự kiến. Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía địa phương, hội khuyến học xã, mạnh thường quân và phụ huynh học sinh hỗ trợ như:

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung.

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như phần mềm bảo hiểm xã hội, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm quản lý trang website...

Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định.

Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

Nhà trường định hướng cho giáo viên ứng dụng các ứng dụng như powerpoint (phần mềm trình chiếu để truyền tải thông tin); Articulate Studio (phần mềm biến các slide thuyết trình powerpoint thành bài giảng điện tử)... trong thiết kế và hoạt động giáo dục cho trẻ.

5. Công tác truyền thông

Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội trang fanpage: Trường Mầm non Võ Nguyên Giáp, zalo nhóm lớp và truyền thông qua website của nhà trường: <https://mnvonguyengiap.pgdtptdienbienphu.edu.vn>.

Mường Phăng, ngày 25 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Lý Kim Phụng

